

Đổi mới phương pháp dạy học Lịch sử (PPDHLS) là một bộ phận của công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục (GD) Việt Nam. Đổi mới PPDHLS cần dựa trên cơ sở của nội dung, chương trình môn học, sách giáo khoa (SGK), tài liệu, điều kiện, môi trường học tập, nhu cầu xã hội, các thành tựu khoa học hiện đại, những thông tin cập nhật của nhiều bộ môn khoa học liên ngành...

1. Kinh nghiệm phát triển chương trình và xây dựng SGK

Điểm nổi bật của chương trình GD phổ thông của các nước phát triển là tiếp cận theo hướng phát triển năng lực. Chương trình mang tính "động", luôn được phát triển, bổ sung, điều chỉnh. Cùng một chương trình thống nhất của Bộ GD, nhưng có nhiều bộ SGK khác nhau. Nước Anh có bộ SGK LS ở cấp THPT chuẩn theo chương trình Oxford được sử dụng rộng rãi cả trong và ngoài nước (ở Singapore, Thái Lan). Giáo viên đưa vào chương trình quy định để hướng dẫn học sinh (HS) học tập, thu lượm thông tin từ nhiều nguồn. Hầu hết HS của Anh lấy kiến thức LS qua mạng Internet. Pháp là một quốc gia tiên tiến, cũng phải trải qua nhiều lần cải tiến mới có bộ SGK khác hẳn trước đây. Chương trình, SGK như vậy đã quy định PPDHLS theo hướng phát huy tính tích cực của HS.

Việc cá thể hoá, nhóm hoá lớp học được tiến hành rộng rãi. Tại Hà Lan, sau nhiều năm tranh luận, thế nghiệm, trường học đã thay đổi ghế "tĩnh" bằng ghế "động" (HS có thể dùng ghế xoay để quay ngang, dọc, lên, xuống trao đổi bài). Mô hình lớp học "đôi thấy" dần thay thế lớp học "đôi phòng" (mỗi giờ học đều có phòng học bộ môn, ở đó mọi tài liệu, phương tiện dạy học đã được chuẩn bị). Nhiều phần mềm công nghệ thông tin được áp dụng rộng rãi, hình thức học tập qua mạng Internet ngày càng được phổ biến rộng rãi. Hiện nay, ở những nước phát triển, E-learning đã phát triển song hành với cách học truyền thống.

SGK của các nước phát triển không biên soạn theo phương lối hàn lâm. Phần kênh chữ không nhiều, chú trọng kênh hình và coi đó là nguồn nhận thức, không phải mang ý nghĩa minh họa. Đặc biệt, phần *cơ chế sự phạm* được chú trọng, nhằm tổ chức hướng dẫn hoạt động tự duy tích cực chủ động, sáng tạo của HS. Chẳng hạn, SGK của Nhật Bản có rất nhiều tài

liệu trên kênh hình in màu, cuối sách có phần tra cứu theo nhân vật, loại hình tri thức LS (kinh tế, văn hoá, quân sự...) hoặc theo biên niên (lịch đại) và đồng đại (so sánh với các nước khác kể Trung Quốc, Hàn Quốc...). Nhật Bản xây dựng chương trình phổ thông theo 2 loại *cơ bản* và *tự chọn* (nâng cao). Một cuốn SGK trình bày kiến thức toán cấp THPT (lớp 10, 11, 12), nhưng mỗi loại sách trình bày kiến thức ở mức độ khác nhau dành cho các nhóm đối tượng có trình độ khác nhau, hoặc phần kiến thức địa phương theo từng khu vực. Như: cuốn *LS Nhật Bản* (NXB Yamakao) là sách dành cho trình độ nâng cao; *LS thế giới* (NXB Zikio) là sách dành cho trình độ thấp; *LS thế giới* (NXB Sansedo) dành cho HS đại trà.

Chương trình, SGK của Hoa Kỳ do từng tiểu bang quy định khác nhau. Tuy nhiên, điểm chung nhất là sách được trình bày với nội dung hấp dẫn, kĩ thuật in ấn đẹp, phần *cơ chế sự phạm* được thể hiện mẫu mực, có hướng dẫn gợi mở, kích thích hoạt động tìm tòi của HS. Các mô hình, sơ đồ thiết kế theo hướng giúp HS biết so sánh các sự kiện LS ở Hoa Kỳ với các sự kiện LS thế giới. Nguồn tư liệu phong phú, kênh hình sinh động: nhân định, đánh giá thẳng thắn, không né tránh. Chẳng hạn, trong bài "*Chiến tranh trong rừng nhiệt đới*", sách trích dẫn lời thú nhận của Thủ kí Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ - McNamara với báo giới về thất bại của quân đội Hoa Kỳ trước tinh thần chiến đấu của quân dân miền Nam Việt Nam năm 1966: "*Tôi đã không cho rằng những con người này lại có năng lực chiến đấu đến như vậy. Giả như tôi lường được rằng, họ có thể chịu đựng và chiến đấu tốt... thì tôi đã nghĩ khác đi ngay từ lúc đầu*" (1). Các tiêu đề, chương bài được trình bày trong SGK rất ngắn gọn, ấn tượng và dễ nhớ. Đầu các chương, bài đều có phần hướng dẫn cách học tập. Cuối mỗi bài học, đặt một phần nội dung hướng dẫn HS các bước học tập củng cố kiến thức, cách rèn các kĩ năng, phương pháp thực hành, cách sưu tầm các nguồn tài liệu bổ sung cho bài học. Ví dụ, Chương 22: "*Việt Nam trong những năm chiến tranh*", sách dẫn trích câu nói của Henry Kissinger, cựu ngoại trưởng Hoa Kỳ: "*Việt Nam mãi đeo đẳng chúng ta... Chúng ta đã phải trả giá đắt cho*

* Trường Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên

những quyết định của mình" (2). Sách cung cấp các hình ảnh quân đội Mỹ tiến vào miền Nam Việt Nam, hình ảnh lính Mỹ phân chiến, SV Trường ĐH Kent State phản đối chiến tranh Việt Nam bị cảnh sát bắn chết, các thước phim minh họa... và hướng dẫn cách học các bài trong chương theo hướng phát huy tính tích cực của HS.

2. Một số kiến nghị

1) **Chất lượng GDLS phải được bắt đầu từ tư duy quản lý GD.** Không phải ngẫu nhiên, LS trở thành môn thi tuyển công chức của đất nước Hàn Quốc, điều kiện bắt buộc để nhập học tích ở một số nước Tây Âu, là một trong bốn môn học có số giờ nhiều nhất ở trường phổ thông trong nhiều liệu bang của Hoa Kỳ, là chủ đề khoa giáo trong điện ảnh của nhiều quốc gia. Những bảo tàng LS, văn hóa với khối lượng hiện vật đồ sộ của các nước phát triển luôn thu hút đông đảo mọi tầng lớp nhân dân và bạn bè quốc tế là bằng chứng hùng hồn về tư duy quản lý GD, gắn kết hiệu quả GDLS với phát triển kinh tế du lịch. Điều đó đã chứng tỏ giá trị đích thực của văn hóa truyền thống, tác dụng của GDLS có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

2) **Khắc phục bất cập trong chương trình, SGK và phương pháp dạy học LS.** Ở nhiều nước, phát triển chương trình là yêu cầu sống còn của GD. Li thuyết phát triển chương trình là một khoa học, song việc triển khai lại cụ thể đến trường phổ thông (ở Hoa Kỳ có những giáo viên là chuyên gia phát triển chương trình làm việc tại trường phổ thông), vì vậy, chương trình GD của họ luôn *"động"* và *"mơ"*. Nền, cùng một chương trình, có thể có nhiều bộ SGK khác nhau, tiếp cận chương trình theo những cách khác nhau. Cũng đó, mô hình dạy học theo tin chỉ cũng chi phối phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực học tập của HS (hướng dẫn tự học, phát triển các kỹ năng nhận thức, vận dụng kiến thức, tôn trọng ý tưởng sáng tạo).

Với quan niệm chương trình là *"pháp lệnh"*, việc thay đổi nội dung, điều chỉnh chương trình môn học tại nước ta luôn gặp khó khăn. Thực tế, độ dày của SGK hiện nay của nước ta còn kém một số nước (liều biểu là Hoa Kỳ và Nhật Bản). Tuy nhiên, SGK của chúng ta còn nặng về trình bày kiến thức, chủ yếu kênh chữ, phần *ơ chế sự phạm* tuy đã có quan tâm song chưa toát lộ phương pháp tổ chức dạy học, nhất là hướng dẫn tự học, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Việc giảm tải cơ học một số nội dung trong chương trình, SGK khiến cho kết cấu bài học bị phá vỡ, thiếu logic. Chuẩn kiến thức, kỹ năng là căn cứ xác định những yêu cầu tối thiểu nhiều khi được xem như mục tiêu phấn đấu, thậm chí chi phối việc lựa chọn

kiến thức cơ bản và phương pháp dạy học, làm cho giáo viên chưa thoát khỏi phương pháp dạy học truyền thống - dạy kiến thức. Việc xây dựng, phân phối chương trình vì mục tiêu quản lý chuyên môn khiến bài học nhiều khi bị chi phối máy móc, tạo áp lực tâm lý, giảm tính sáng tạo và chủ động của giáo viên. Do quá nhiều môn học nên thời lượng dành cho một môn (tính theo từng tiết) rất khó cho việc tổ chức các hoạt động sư phạm (như làm bài tập, thảo luận nhóm)...

3) **Đổi mới đào tạo giáo viên LS trong trường sư phạm.** Một trong những hạn chế không nhỏ về hoạt động quản lý GDĐH Việt Nam được Bộ Chính trị, BCHTW Đảng khóa X chỉ rõ: *"Những năm gần đây, việc cho phép thành lập mới các trường CĐ, ĐH mới có phần dễ dãi, trong khi các điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật và đội ngũ giảng viên không đảm bảo dẫn đến chất lượng đào tạo thấp, phải là các trường ngoài công lập và các trường của địa phương"* (3). Đó cũng chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến sản phẩm đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu xã hội, giáo viên thiếu kỹ năng cần thiết, khiến *"GD phổ thông mới chỉ quan tâm đến dạy chữ, chưa quan tâm đúng mức đến dạy người, kỹ năng sống và dạy nghề cho cho thanh thiếu niên"* (1).

Hiện nay, việc đào tạo sinh viên (SV) ngành sư phạm LS được tiến hành trong các trường, khoa sư phạm với các mô hình khác nhau, mức độ tự chủ rất khác nhau. Ngoài 2 trường trọng điểm (ĐHSP Hà Nội và ĐHSP TP. Hồ Chí Minh) hoạt động theo mô hình truyền thống; các trường khác hoặc là đơn vị thành viên của các ĐH vùng, ĐH đa ngành với chức năng đào tạo cử nhân LS cũng nhanh chóng hoàn thiện chứng chỉ sư phạm, thay đổi mục tiêu đầu ra của sản phẩm đào tạo. Việc tồn tại các mô hình trên tạo ra mức chênh lệch không nhỏ về quy mô và chất lượng đào tạo khiến dư luận xã hội nghi ngại, nhà tuyển dụng phân vân... Hiện trạng hệ thống sư phạm trong cả nước thiếu đồng bộ, liên kết lỏng lẻo, hoạt động biệt lập, thiếu tính liên thông giữa các trường, khoa đang là những tồn tại cần khắc phục.

Đào tạo ngành sư phạm LS hiện nay đang theo mô hình đào tạo tin chỉ, nhưng vẫn tồn tại những bất cập: - Cơ sở vật chất thiếu (giảng đường, học liệu) khiến SV khó có cơ hội lựa chọn lớp học theo nhiều thời điểm đào tạo khác nhau; - Đội ngũ giáo viên thiếu (do không thể về chỉ tiêu tuyển dụng hoặc đang trong thời gian tập sự, đi học nâng cao trình độ...) nên SV không thể đăng ký học theo nhu cầu; - SV chưa được hưởng lợi từ ưu thế vốn có của đào tạo tin chỉ; - Cần bổ

(Xem tiếp trang 61)